

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19/9/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thúc

2. Ông Y Dhiều Hmok

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắc Lắc, tỉnh Đắc Lắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 -Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 26/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; địa chỉ: A H, phường B, tỉnh Đắc Lắc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ: E N, TDP A, phường B, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình hoà giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Minh T sống chung tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2003 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắc Lắc. Thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc, đến khoảng thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xung đột cãi vã. Hiện mâu thuẫn của chúng tôi đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện chúng tôi đã ly thân. Nay tôi không thể chung sống với anh Lê Minh T được nữa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và anh T có 03 con chung là Lê

Gia H, sinh ngày 30/11/2016; Lê Ngọc D1, sinh ngày 13/9/2014; Lê Thị Hoài T1, sinh ngày 13/10/2003. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Lê Gia H, sinh ngày 30/11/2016 và Lê Ngọc D1, sinh ngày 13/9/2014 đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); còn con chung Lê Thị Hoài T1, sinh ngày 13/10/2003 đã đến tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện tôi yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu anh T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi mỗi tháng 2.000.000đ/02 con chung. Thời hạn cấp dưỡng đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Tuy nhiên nay tôi rút phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nữa.

Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy lời khai và không tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với ông Lê Minh T được.

Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8-Đắk Lắk về tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị D và ông Lê Minh T như sau: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn tranh chấp, nguyên nhân cụ thể chính quyền địa phương không nắm rõ vì vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Lê Minh T không trình báo với chính quyền địa phương.

Đại diện VKSND khu vực 8- Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Minh T. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Gia H, sinh ngày 30/11/2016; Lê Ngọc D1, sinh ngày 13/9/2014 cho bà Nguyễn Thị D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Đối với con chung Lê Thị Hoài T1, sinh ngày 13/10/2003 đã đến tuổi trưởng thành và bà D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Minh T đăng ký kết hôn ngày 17/5/2003 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 BLTTDS và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2003 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn ông Lê Minh T cơ bản phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà D và ông T có 03 con chung là Lê Gia H, sinh ngày 30/11/2016; Lê Ngọc D1, sinh ngày 13/9/2014; Lê Thị Hoài T1, sinh ngày 13/10/2003. Hiện nay con chung Lê Gia H, Lê Ngọc D1 đang sống cùng bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Gia H, Lê Ngọc D1 đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); Xét nguyện vọng của bà Nguyễn Thị D là có căn cứ phù hợp với các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HNGĐ, cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Đối với con chung Lê Thị Hoài T1, sinh ngày 13/10/2003 đã đến tuổi trưởng thành và bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

- **Về hôn nhân:** Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Minh T.

- Về con chung: Giao 02 con chung Lê Gia H, sinh ngày 30/11/2016; Lê Ngọc D1, sinh ngày 13/9/2014 cho bà Nguyễn Thị D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Đối với con chung Lê Thị Hoài T1, sinh ngày 13/10/2003 đã đến tuổi trưởng thành và bà D không yêu cầu nên không đặt ra giải

quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Ông Lê Minh T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- **Về tài sản và công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị D chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004280 ngày 12/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ (Nay là phòng THADS khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk
- VKS khu vực 8;
- UBND phường Buôn Hồ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Thị Hương

